

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST  
Ngày 03-6-2021  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Dương Hồng Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; địa chỉ trụ sở: Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Trang Thành T; cư trú tại: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 4092/2019/GUQ-PL ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Danh C, sinh năm: 1973; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi là Ngân hàng), bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trang Thành T trình bày:

Ngày 12/5/2020 Ngân hàng T Chi nhánh L ký Hợp đồng tín dụng số: 01084 - 00071 với bên vay ông Danh C, cho ông C vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 92 kỳ, ngày đến hạn 12/8/2020, lãi suất: lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà bên được cấp tín dụng phải trả cho Ngân hàng là 30%/năm tương đương với lãi suất thực tế của khoản cho vay được ấn định theo quy định tại hợp đồng này, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: số kỳ trả nợ: 92 kỳ, kỳ hạn trả nợ: 01 ngày/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày: 13/5/2020, các kỳ trả nợ kế tiếp: hằng ngày, kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ cuối cùng được quy định tại Hợp đồng, số tiền trả mỗi kỳ: 350.800 đồng (Số tiền trả mỗi kỳ = Tổng số tiền trả nợ/Số kỳ trả nợ), số tiền trả kỳ cuối: 349.600 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C đã trả cho Ngân hàng được 28 kỳ với số tiền là 9.822.400 đồng, trong đó tiền gốc 9.130.800 đồng và lãi 691.600 đồng. Sau đó ông C không thanh toán tiếp cho Ngân hàng. Ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng kể từ ngày 10/6/2020, tạm tính đến ngày 03/6/2021, ông C còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi 30.967.290 đồng, trong đó: nợ gốc 20.869.200 đồng, tiền lãi trong hạn 1.580.800 đồng, tiền lãi quá hạn: 8.517.290 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc ông Danh C có trách nhiệm hoàn trả hết nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số: 01084 - 00071 ngày 12/5/2020 tính đến ngày 03/6/2021 là 30.967.290 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông C trả tất nợ cho Ngân hàng T.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ông C vắng mặt, ông C không gửi văn bản phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho Tòa án, nên không ghi nhận được ý kiến của ông C.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ hộ khẩu gia đình tên Danh C (bản photo); Giấy chứng minh nhân dân tên Danh C (bản photo); Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh họ tên người kinh doanh Danh C (bản sao có chứng thực); Giấy đề nghị vay vốn tên Danh C (bản sao có chứng thực); Hợp đồng tín dụng số 01084 - 00071 ngày 12/5/2020 tên khách hàng Danh C (bản sao có chứng thực); Giấy nhận nợ tên Danh C (bản sao có chứng thực); Bảng tính lãi tiền vay khách hàng Danh C (bản chính).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn hợp lệ. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không ý kiến phản đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, bị đơn không có giấy đăng ký kinh doanh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Danh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số: 01084 - 00071 ngày 12/5/2020 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ông Danh C. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Về yêu cầu bị đơn trả nợ vay gốc và lãi tại Hợp đồng tín dụng số: 01084 - 00071 ngày 12/5/2020 tính đến ngày 03/6/2021 là 30.967.290 đồng, trong đó: nợ gốc 20.869.200 đồng, tiền lãi trong hạn 1.580.800 đồng, tiền lãi quá hạn: 8.517.290 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày bị đơn trả dứt nợ cho Ngân hàng.

[5.1] Theo Giấy nhận nợ tên người nhận tiền Danh C ngày 12/5/2020 và Hợp đồng tín dụng số: 01084 - 00071 ngày 12/5/2020 thì xác định: trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 92 kỳ, lãi suất: lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà bên được cấp tín dụng phải trả cho Ngân hàng là 30%/năm tương đương với lãi suất thực tế của khoản cho vay được ấn định theo quy định tại hợp đồng này, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: số kỳ trả nợ: 92 kỳ, kỳ hạn trả nợ: 01 ngày/kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày: 13/5/2020, các kỳ trả nợ kế tiếp: hằng ngày, kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ cuối cùng được quy định tại Hợp đồng, số tiền trả mỗi kỳ: 350.800 đồng (Số tiền trả mỗi kỳ = Tổng số tiền trả nợ/Số kỳ trả nợ), số tiền trả kỳ cuối: 349.600 đồng. Sau khi vay tiền, bị đơn đã trả được một phần tiền vay gốc và lãi được 28 kỳ, sau đó bị đơn không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[5.2] Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: 01084 - 00071 ngày 12/5/2020, nên việc Ngân hàng yêu

cầu ông C trả hết nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1. Buộc ông Danh C trả cho Ngân hàng T tiền vay gốc và lãi 30.967.290 (ba mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, hai trăm chín mươi) đồng, trong đó: nợ gốc 20.869.200 (hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn, hai trăm) đồng, tiền lãi trong hạn 1.580.800 (một triệu, năm trăm tám mươi ngàn, tám trăm) đồng, tiền lãi quá hạn 8.517.290 (tám triệu, năm trăm mười bảy ngàn, hai trăm chín mươi) đồng.

Kể từ ngày 04/6/2021 ông C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà ông C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Danh C phải nộp 1.548.365 (một triệu, năm trăm bốn mươi tám ngàn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng; Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 630.000 (sáu trăm ba mươi ngàn đồng) đồng theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0003051 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo bản án: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Ngoan**